

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2026

Thực hiện Công văn 251/SNV-CCHC ngày 17/7/2025 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến công tác CCHC và Quyết định số 3300/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước của tỉnh Quảng Trị năm 2026; UBND xã Vĩnh Thủy báo cáo kết quả thực hiện Công tác Cải cách hành chính quý III năm 2026 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã về Cải cách hành chính trong cơ quan nhà nước của xã Vĩnh Thủy năm 2026; Kế hoạch số 1367/KH-UBND ngày 10/6/2026 về Cải cách hành chính trọng tâm trong giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy;

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Nội vụ, UBND xã đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị.

- *Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2026:* Tại Kế hoạch CCHC năm 2026 xã Vĩnh Thủy đề ra 41 nhiệm vụ, kết quả đã thực hiện cơ bản hoàn thành 30 nhiệm vụ.

- *Thực hiện kiểm tra công tác CCHC hàng năm:* Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính và chương trình công tác năm 2026, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 1694/KH-UBND ngày 17/07/2026 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026 và Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 20/07/2026 về việc thành lập Tổ kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2026. Qua đó đã kịp thời phát hiện những khó khăn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị để có hướng khắc phục, tháo gỡ, ghi nhận những đề xuất, kiến nghị của các đơn vị để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

- *Công tác tuyên truyền CCHC:* UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 30/01/2026 về tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước xã Vĩnh Thủy năm 2026. Theo kế hoạch đề ra công tác tuyên truyền được lồng ghép với các cuộc họp, các cuộc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân nắm bắt và thực hiện. Tổ chức tuyên truyền các văn bản, TTHC trên hệ thống Quản lý văn bản điều hành, trên trang thông tin điện tử của xã và trên các trang mạng xã hội (Zalo, Facebook).

Trong ký báo cáo trên Cổng thông tin điện tử (<https://vinhthuy.quangtri.gov.vn/>) đã đăng tải 11 tin, bài và nhiều văn bản chỉ đạo điều hành của UBND xã. Trên

Fanpage Trung tâm DVTH xã đăng tải 06 bài tin ngắn, infographic, video clip tuyên truyền.

Công tác truyền thông CCHC Quý III/2026 tập trung phản ánh toàn diện 05 nhóm nội dung chính, gồm:

- Tuyên truyền về đổi mới, cải tiến mô hình phục vụ hành chính tại cơ sở: Phản ánh đậm nét các mô hình hay, sáng kiến mới trong giải quyết TTHC cho nhân dân. Nổi bật là mô hình "Mỗi tháng một ngày, Vĩnh Thủy đưa dịch vụ công về tận thôn", ghi nhận tinh thần "gần dân, trọng dân", chủ động hỗ trợ người dân vùng sâu, người cao tuổi làm thủ tục ngay tại nhà văn hóa thôn.

- Tuyên truyền về Chuyển đổi số và Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT): Đẩy mạnh các bài viết hướng dẫn, khuyến khích người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt.

- Tuyên truyền về kiện toàn tổ chức bộ máy và kỷ cương hành chính

- Công khai, minh bạch các chính sách, văn bản pháp luật mới: Đăng tải kịp thời các văn bản chỉ đạo, Kế hoạch, Quyết định, Thông báo của UBND xã. Truyền thông chính sách về các quy định mới liên quan trực tiếp đến quyền lợi người dân: Mức tăng trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã già yếu nghỉ việc; các quy định pháp luật về trật tự an toàn giao thông, trợ giúp pháp lý, can thiệp bảo vệ trẻ em.

UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 353/KH-UBND ngày 23/02/2026 về phát động phong trào thi đua thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2026.

2. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Chủ tịch UBND tỉnh giao

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 18

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 12

- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 6

- Không có nhiệm vụ quá hạn

II. KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được UBND xã thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung và thời gian theo quy định.

Trong quý III năm 2026, UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật. UBND xã tiếp tục rà soát các quy định của Trung ương, của tỉnh và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND xã để kịp thời tổ chức thực hiện, đồng thời xác định những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn được UBND xã quan tâm chỉ đạo, triển khai kịp thời, nghiêm túc. Sau khi các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh được ban hành, UBND xã đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị có liên quan

tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; đồng thời rà soát, xác định các nội dung được giao quy định chi tiết để chủ động tham mưu thực hiện theo thẩm quyền.

Việc phổ biến, triển khai các quy định pháp luật được thực hiện bằng nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng, trong đó lồng ghép tại các hội nghị, cuộc họp và đăng tải, công khai các nội dung cần thiết trên Trang thông tin điện tử của xã, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân.

UBND xã thường xuyên rà soát, hướng dẫn và áp dụng thống nhất các quy định pháp luật mới ban hành; kịp thời phối hợp xử lý những khó khăn, vướng mắc, nội dung còn chồng chéo, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, phản ánh liên quan đến việc thực hiện pháp luật theo đúng thẩm quyền. Qua rà soát, UBND xã đã kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý đối với những quy định chưa bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý. Cụ thể, đối với Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã Vĩnh Thủy quy định chính sách hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất hữu cơ trên địa bàn xã Vĩnh Thủy, UBND xã đã tổ chức rà soát nội dung, căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị quyết. Qua rà soát các quy định của pháp luật hiện hành, nhất là các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 về thẩm quyền quyết định các chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước, UBND xã nhận thấy Nghị quyết chưa bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý về thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước của HĐND cấp xã. Trên cơ sở đó, UBND xã đã báo cáo, trình HĐND xã xem xét, ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND theo quy định. Việc rà soát, kịp thời tham mưu xử lý, bãi bỏ Nghị quyết nêu trên góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và việc áp dụng các quy định trên địa bàn đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

Về kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật: UBND xã tập trung theo dõi việc chấp hành pháp luật trong một số lĩnh vực thường phát sinh vấn đề tại cơ sở như đất đai, bảo vệ môi trường, hộ tịch, xử lý vi phạm hành chính, an ninh, trật tự và các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân. Qua theo dõi, kiểm tra, việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, thôn và Nhân dân trên địa bàn cơ bản được thực hiện nghiêm túc; những tồn tại, hạn chế được nhắc nhở, hướng dẫn khắc phục kịp thời.

Về mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Trong quý III năm 2026, cán bộ, công chức thuộc UBND xã không có trường hợp bị xử lý kỷ luật. UBND xã chưa thực hiện xử phạt vi phạm hành chính; tình hình chấp hành pháp luật trên địa bàn cơ bản ổn định, không phát sinh vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của UBND xã.

1.3. Tình hình thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Trong quý III năm 2026, UBND xã Vĩnh Thủy đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn; ban hành 05

Kế hoạch¹ và 07 Công văn để triển khai các nhiệm vụ theo quy định và hướng dẫn của cấp trên.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai với nhiều hình thức phù hợp. Trong quý, Mặt trận và Công an xã đã tổ chức 01 hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an ninh mạng, kỹ năng sử dụng Internet, mạng xã hội an toàn và phòng ngừa lừa đảo trực tuyến với sự tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể, lực lượng Công an xã, bí thư chi bộ, trưởng thôn, Trưởng Ban Công tác Mặt trận, đoàn viên, hội viên, thanh thiếu niên và Nhân dân. Nội dung tuyên truyền tập trung vào pháp luật về đất đai; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; an ninh mạng; phòng, chống ma túy; dân số; thuế; thi hành án hình sự và các quy định pháp luật khác.

Bên cạnh tuyên truyền trực tiếp, UBND xã phối hợp thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin của địa phương; đăng tải trên 38 tin, bài, nội dung tuyên truyền pháp luật trên Trang thông tin điện tử xã về phổ biến, giáo dục pháp luật, giúp người dân dễ dàng tiếp cận các quy định pháp luật mới, hướng dẫn thủ tục hành chính, các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân.

Thực hiện Công văn số 115/HĐPH ngày 21/8/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Trị, UBND xã đã ban hành Công văn số 1828/UBND-VP ngày 24/8/2026 triển khai Cuộc thi trực tuyến trên Cổng Pháp luật quốc gia “Tìm hiểu Hiến pháp và pháp luật”, góp phần hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2026.

Công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục được duy trì với 11 tổ hòa giải tại 11 thôn, góp phần kịp thời nắm bắt, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong cộng đồng dân cư, hạn chế khiếu nại, khiếu kiện và giữ gìn đoàn kết, an ninh, trật tự tại cơ sở.

1.4. Kết quả tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Trong quý III năm 2026, UBND xã tiếp tục thực hiện công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý; tập trung kiểm tra về thẩm quyền, căn cứ pháp lý, nội dung và sự phù hợp của văn bản với quy định pháp luật hiện hành, kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý những văn bản không còn phù hợp.

Văn phòng HĐND&UBND xã đã tiến hành tự kiểm tra các Quyết định quy phạm pháp luật do UBND xã ban hành. Qua rà soát, đã tham mưu xử lý Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 của HĐND xã về chính sách hỗ

¹ Kế hoạch số 1562/KH-UBND ngày 03/7/2026 về phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, tham gia phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ trên địa bàn xã Vĩnh Thủy năm 2026; Kế hoạch số 1723/KH-UBND ngày 22/7/2026 về triển khai thực hiện Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước về quyền của người khuyết tật và các khuyến nghị phù hợp của Ủy ban về quyền của người khuyết tật trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Kế hoạch số 1746/KH-UBND ngày 22/7/2026 về triển khai các hoạt động hưởng ứng “Ngày thế giới phòng, chống mua bán người” và “Ngày toàn dân phòng, chống mua bán người - 30/7” năm 2026; Kế hoạch số 1904/KH-UBND ngày 07/8/2026 về thực hiện quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em lao động trái quy định của pháp luật và trẻ em có nguy cơ trở thành lao động trẻ em năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Kế hoạch số 1900/KH-UBND ngày 10/8/2026 về thực hiện nội dung Dự án 8: “Nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng về dịch vụ trợ giúp pháp lý chất lượng và giáo dục pháp luật trong phòng, chống ma túy” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy năm 2026.

trợ phát triển mô hình sản xuất hữu cơ; nhận thấy Nghị quyết chưa bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý về thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước của HĐND cấp xã. UBND xã đã báo cáo, trình HĐND xã xem xét, ban hành nghị quyết bãi bỏ theo quy định.

Đối với 03 Quyết định QPPL ban hành ngày 30/7/2025² qua rà soát, các văn bản này cần được xử lý để phù hợp với các quy định mới về tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã. Chỉ đạo cơ quan tham mưu hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để tham mưu UBND xã ban hành quyết định bãi bỏ theo quy định.

Công tác hệ thống hóa văn bản được thực hiện gắn với việc rà soát, cập nhật các văn bản mới ban hành, văn bản hết hiệu lực, được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, góp phần bảo đảm việc quản lý, theo dõi và áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn được kịp thời, thống nhất.

Nhìn chung, công tác tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trong quý III được thực hiện có trọng tâm, gắn với yêu cầu tổ chức thi hành pháp luật và tình hình thực tế của địa phương; các văn bản không còn phù hợp được kịp thời phát hiện, tham mưu xử lý, góp phần bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Trong kỳ, UBND xã đã ban hành Công văn số 1251/UBND-HCC ngày 28/5/2026 gửi các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính. Hiện chưa đề xuất phương án thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và số lượng TTHC thuộc các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương

UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Vĩnh Thủy cụ thể có: 548 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

a) Tình hình tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và phần mềm ứng dụng được trang bị đầy đủ (đã được phủ xanh trên Hệ thống quốc gia) gồm các thiết bị sau: 06 máy tính để bàn; 01 laptop; 06 máy in, 05 máy scan, 01 máy tính để người dân nộp hồ trực tuyến; 01 máy photo; 01 máy bấm số tự động, 01 màn hình hiển thị số thứ tự; 01 máy tra cứu chuyên dụng, 01 Kiosk dịch vụ công và 02 camera

- Về nhân sự: Tại Trung tâm hiện nay đã bố trí 01 Giám đốc; 01 Phó Giám đốc và 04 công chức biên chế (trong đó 01 công chức được biệt phái đến Phòng

² Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Văn hóa - Xã hội; Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Phục vụ hành chính công và Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Kinh tế,

Kinh tế làm việc). Ngoài ra hiện nay vừa mới tiếp nhận 01 nhân sự từ Bưu điện về tiếp nhận và hỗ trợ làm việc tại Trung tâm từ ngày 01/6/2026.

- Cơ chế phối hợp: Đã ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 13/10/2025 về việc Ban hành Quy chế phối hợp giữa Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Thủy với các phòng chuyên môn thuộc UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Vĩnh Thủy.

b) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

- Kết quả số hoá cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ số hóa thành phần: 100%

+ Tỷ lệ số hoá kết quả giải quyết: 94,65%

+ Tỷ lệ khai thác dữ liệu đã được số hóa: 97%

c) Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị

Các thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết theo đúng trình tự theo Quyết định đã được Công bố của UBND tỉnh Quảng Trị. Các thủ tục sau khi được tiếp nhận, hướng dẫn và số hóa đầy đủ được chuyển sang các Phòng ban để giải quyết đúng thời hạn.

Từ ngày 10/6/2026 đến ngày 09/09/2026 đã tiếp nhận 1.239 hồ sơ. (Trong đó: Tiếp nhận mới 1.203 hồ sơ, kỳ trước chuyển qua 36 hồ sơ)

- Đã giải quyết: 1.213 hồ sơ, quá hạn 03 hồ sơ. Đang giải quyết: 26 hồ sơ

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trong kỳ, xã Vĩnh Thủy không có phản ánh, kiến nghị

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

- UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thủy nhiệm kỳ 2026 - 2031; Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 về việc phân công nhiệm vụ đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND và các ủy viên UBND xã Vĩnh Thủy, nhiệm kỳ 2026 - 2031; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 28/07/2025 về Nội quy tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân xã Vĩnh Thủy.

- Ban hành đầy đủ các Quyết định quy định, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã; trong Quý III năm 2026 đã ban hành 02 Quyết định³.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

Thực hiện Đề án tổng thể số 3850/ĐA-UBND ngày 05/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND các xã,

³ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 04/09/2026 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng xã Vĩnh Thủy; Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 21/07/2026 về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Vĩnh Thủy .

phường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; UBND xã Vĩnh Thủy đã thực hiện rà soát, sắp xếp 07 đơn vị sự nghiệp giáo dục còn 03 đơn vị sự nghiệp giáo dục⁴.

c) Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Thực hiện Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị⁵; UBND xã Vĩnh Thủy đã trình Ban Thường vụ Đảng ủy xã về giao chỉ tiêu biên chế và Trình HĐND xã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/01/2026 về việc giao chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính và viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Vĩnh Thủy năm 2026.

Trình Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của Trạm Y tế và các Đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc UBND xã⁶.

d) Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Việc tuân thủ các quy định về phân cấp được UBND xã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý. Thông qua Quy định về phân cấp đã tạo sự chủ động trong tham mưu đề xuất thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định, tăng cường trách nhiệm, tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công tác quản lý.

4. Cải cách chế độ công vụ công chức

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức.

Thực hiện Thực hiện Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND xã đã ban hành Công văn số 2078/UBND-VHXXH ngày 24/08/2026 về triển khai, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm công chức

b) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương

UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 về ban hành Quy chế văn hóa công sở và quy tắc ứng xử trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách làm việc trong các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn xã Vĩnh Thủy

Nhằm tăng cường việc kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; UBND xã Vĩnh Thủy đã ban hành Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày

⁴ Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 về việc ban hành các Đề án sáp nhập trường học trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Phương án số 1981/PA-UBND ngày 14/8/2026 về cơ cấu, số lượng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và sắp xếp, bố trí nhân sự hỗ trợ giáo dục các cơ sở giáo dục sau sắp xếp thuộc xã Vĩnh Thủy.

⁵ Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền địa phương từ ngày 01/01/2026

⁶ Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 08/09/2026 về ban hành Nghị quyết giao số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc UBND xã Vĩnh Thủy sau sắp xếp năm Tờ trình số 1854/TTr-UBND ngày 03/08/2026 về đề nghị thông qua Dự thảo Nghị quyết giao biên chế viên chức của Trạm Y tế năm 2026.

23/02/2026 về kiểm tra công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026. Theo đó trong thời gian tới sẽ tổ chức thành lập đoàn Kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 13/4/2026 về thành lập Tổ kiểm tra công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026 và Công văn số 953/UBND-VHXXH ngày 28/4/2026 về giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu quả thực hiện công vụ. Trong kỳ báo cáo không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, sử dụng hiệu quả giờ làm việc.

UBND xã đang ban hành Kế hoạch số 1337/KH-UBND ngày 08/6/2026 về khai thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

c) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Nhằm tăng cường công tác Đào tạo, bồi dưỡng UBND xã đã ban hành 1587/KH-UBND ngày 07/7/2026 về tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức xã Vĩnh Thủy đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026 - 2031.

Cử tham gia cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng của tỉnh đúng số lượng và thành phần theo quy định.

d) Kết quả giải quyết cho nghỉ hưởng chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động.

Trong quý I, UBND xã Vĩnh Thủy không thực hiện giải quyết chế độ thôi việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách ngân nước theo kế hoạch tỉnh giao

- Phần thu: Dự toán giao thu ngân sách trên địa bàn tỉnh giao là 18.944 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương hưởng là 15.311 triệu đồng, HĐND xã giao 26.723,92 triệu đồng, trong đó địa phương hưởng là 19.978,952 triệu đồng.

Thu ngân sách trên địa bàn đến tháng 8 đạt 11.551,89 triệu đồng, ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt 14.000,00 triệu đồng, đạt 74% so với dự toán tỉnh giao và 52% so với dự toán HĐND xã giao. Trong đó, ngân sách địa phương hưởng 8 tháng đầu năm đạt 10.401,45 triệu đồng, ước thực hiện 9 tháng đầu năm đạt 12.000,00 triệu đồng, đạt 78% so với dự toán tỉnh giao và 60% so với dự toán HĐND xã giao.

5.2. Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công

- UBND xã tập trung chỉ đạo các bộ phận chuyên môn triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo đúng quy định; chủ động rà soát tiến độ thực hiện các công trình, dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

- Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện theo kế hoạch, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật. UBND xã tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nghiệm thu và hoàn thiện hồ sơ thanh toán đối với các công trình, dự án đủ điều kiện, đến hết Quý III, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của xã đạt 41%.

5.3. Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

Không có.

5.4. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Ngày 20/3/2026 UBND xã đã có Báo cáo số 106/BC-UBND Đánh giá kết quả thực hiện tổng kiểm kê tài sản công xã Vĩnh Thủy đảm bảo theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

+ Phần lớn các cơ sở nhà, đất trên địa bàn xã đang được sử dụng ổn định phục vụ hoạt động của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, trường học, thiết chế văn hóa và các công trình công cộng khác; bảo đảm đúng công năng, đúng mục đích được giao. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất trên địa bàn thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hồ sơ quản lý cơ bản được lập đầy đủ.

+ Các cơ sở nhà, đất được sử dụng hiệu quả, hạn chế lãng phí.

- UBND xã đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 để quy định trách nhiệm và thẩm quyền quyết định của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý sử dụng, mua sắm, tiếp nhận, sửa chữa, điều chuyển, thu hồi và thanh lý tài sản công.

5.5. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính trong năm 2026 là: 6 đơn vị; Trong đó có 3 đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp vực Giáo dục và Đào tạo, 2 đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, 1 đơn vị thuộc lĩnh vực y tế.

- Về mức độ tự chủ (4 nhóm) trong giai đoạn thực hiện tự chủ tài chính: Có 4 đơn vị nhóm 4, 1 đơn vị nhóm 2.

- Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ: Nhìn chung các đơn vị đã thực hiện việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tuân thủ các chế độ, định mức quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời bám sát vào chức năng nhiệm vụ để xây dựng quy chế phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, được viên chức, lao động tham gia thảo luận và biểu quyết thông qua tại hội nghị CNVC và thủ trưởng đơn vị ký quyết định ban hành và báo cáo cấp trên theo đúng quy định. Tại Quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị đã đưa vào quy định cụ thể định các khoản chi phúc lợi, các khoản chi công tác chuyên môn trong quy chế chi tiêu nội bộ và tuyên truyền tiết kiệm, chống lãng phí trong đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương.

UBND xã Vĩnh Thủy đã quan tâm triển khai nhiều nhiệm vụ nhằm từng bước hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số. UBND xã đã kịp thời ban hành 04 Kế hoạch⁷ và 14

⁷ Kế hoạch số 1378/KH-UBND ngày 12/6/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc tổ chức đợt ra quân "Đi từng ngõ, gõ từng nhà" tuyên truyền, hỗ trợ công dân cài đặt, sử dụng Ứng dụng Công dân số (QUANGTRI-S) và thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Kế hoạch số 1564/KH-UBND ngày 03/7/2026 của

văn bản triển khai⁸ để triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương.

UBND xã đã xây dựng kế hoạch triển khai (Kế hoạch số 912/KH-UBND ngày 26/9/2025 của UBND xã) phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với thực hiện Nghị quyết số Nghị quyết 57-NQ/TW và Đề án 06 trên địa bàn xã. Thành lập 20 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 200 thành viên. Trong kỳ, UBND xã đã tổ chức 02 đợt phát động chiến dịch tại 20 thôn với sự tham gia của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06, cụ thể:

- Đợt ra quân "Đi từng ngõ, gõ từng nhà" tuyên truyền, hỗ trợ công dân cài đặt, sử dụng Ứng dụng Công dân số (QUANGTRI-S) và thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy

- Đợt ra quân hỗ trợ công dân cài đặt, sử dụng Ứng dụng Công dân số (QUANGTRI-S) và nâng cao tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy (Đợt 3).

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Việc sắp xếp, bố trí trụ sở, trang cấp thiết bị (máy tính, máy in, máy scan), phân công nhân lực chuyển đổi số, đảm bảo hạ tầng mạng.

Trụ sở làm việc tách rời, dẫn đến đường truyền tín hiệu chưa tốt; trang thiết bị máy móc đạt theo cấu hình nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 519/BKHCN-CĐSQG ngày 28/01/2026 chỉ đạt được 1/3 thiết bị.

UBND xã Vĩnh Thủy về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đột phá chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính xã Vĩnh Thủy giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch 1775/KH-UBND ngày 27/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số xã Vĩnh Thủy giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 1635/KH-UBND ngày 13/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035" trên địa bàn xã Vĩnh Thủy.

⁸Công văn số 1442/UBND-VHXXH ngày 17/6/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc báo cáo kết quả cài đặt và tuyên truyền ứng dụng Công dân số tỉnh Quảng Trị (QUANGTRI-S); Công văn số 1532/UBND-VHXXH ngày 01/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc góp ý Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035" trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Công văn số 1581/UBND-VHXXH ngày 06/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Công văn số 1827/UBND-VHXXH ngày 01/8/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc đề xuất nhiệm vụ, đề án, chương trình trọng điểm về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công văn số 1830/UBND-VHXXH ngày 31/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc tiếp tục nâng cao tỷ lệ hoàn thành việc cài đặt Ứng dụng Công dân số QUANGTRI-S và các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Công văn số 1788/UBND-VHXXH ngày 27/8/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc triệu tập học viên tham gia lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến kiến thức, thành tựu, kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Công văn 1730/UBND- VHXXH ngày 22/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc giới thiệu nhân sự tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 các thôn trên địa bàn xã Vĩnh Thủy; Công văn 1716/UBND-VHXXH ngày 21/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc đề xuất nhu cầu trang thiết bị đầu cuối phục vụ giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ HCC; Công văn 1701/UBND- VHXXH ngày 20/7/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc cử cán bộ phối hợp triển khai, theo dõi, cập nhật tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW ngày 11/7/2026 của BCD Trung ương; Công văn 2161/UBND-VHXXH ngày 04/9/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc đăng ký tham gia khóa học về an ninh mạng, dữ liệu cá nhân, trí tuệ nhân tạo trên nền tảng Bình dân học vụ số; Công văn số 2113/UBND-VHXXH ngày 27/8/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc góp ý dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu số tỉnh Quảng Trị; Công văn số 2054/UBND-VHXXH ngày 21/8/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc tổ chức rà soát, thống kê thực trạng công tác xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ; Công văn số 2006/UBND-VHXXH ngày 18/8/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc đề xuất danh mục các bài toán lớn về dữ liệu; Công văn số 1992/UBND-VHXXH ngày 17/8/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy về việc đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Việc trang bị và sử dụng chữ ký số

100% cán bộ, CCVC được trang bị ký số chuyên dùng.

- Việc triển khai hệ thống hội nghị trực tuyến.

Hệ thống hội nghị trực tuyến được duy trì hoạt động ổn định, kết nối thông suốt với các cuộc họp, hội nghị do Trung ương, tỉnh tổ chức. Qua đó, bảo đảm việc tiếp nhận, triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 đến cán bộ, công chức trên địa bàn.

UBND xã đã bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị, đường truyền internet và phân công cán bộ phụ trách kỹ thuật nhằm bảo đảm các cuộc họp trực tuyến được tổ chức an toàn, hiệu quả, hạn chế tối đa các sự cố kỹ thuật phát sinh. Đồng thời thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, nâng cao chất lượng đường truyền phục vụ công tác hội nghị trực tuyến.

Việc ứng dụng hệ thống hội nghị trực tuyến đã góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương; rút ngắn thời gian triển khai nhiệm vụ, giảm chi phí đi lại, tổ chức hội nghị và nâng cao năng suất làm việc của cán bộ, công chức. Nhiều cuộc họp chuyên môn, tập huấn, triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 được tổ chức trực tuyến, bảo đảm sự tham gia đầy đủ của các thành phần liên quan

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

UBND xã đã triển khai sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong toàn bộ hoạt động của cơ quan. Thực hiện ký số văn bản điện tử, liên thông gửi lên trực liên thông. 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản và sử dụng. Việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và đạt hiệu quả cao trong công việc.

d) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

UBND xã đã triển khai khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ. Việc sử dụng dữ liệu dân cư giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm giấy tờ cho người dân và nâng cao hiệu quả quản lý.

Các hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã được cập nhật, theo dõi trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định. Việc cập nhật dữ liệu giúp theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ, đảm bảo công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

e) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- UBND xã đã duy trì sử dụng thường xuyên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số chuyên dùng và các phần mềm nghiệp vụ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Việc tiếp nhận, xử lý, phát hành và lưu trữ văn bản được thực hiện chủ yếu trên môi trường điện tử, bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, an toàn và đúng quy định.

- 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản và thường xuyên sử dụng hệ thống quản lý văn bản trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các văn bản đến

được tiếp nhận, phân luồng và xử lý kịp thời trên hệ thống; văn bản đi được ký số và phát hành điện tử theo quy định, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn.

- Việc ứng dụng chữ ký số trong xử lý văn bản điện tử được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm tính pháp lý của văn bản, đồng thời giảm chi phí in ấn, sao chụp và lưu trữ hồ sơ giấy. Các cuộc họp giao ban, hội nghị, báo cáo định kỳ cũng từng bước được số hóa thông qua việc sử dụng tài liệu điện tử, trao đổi thông tin trên môi trường mạng và các nền tảng số dùng chung.

- Bên cạnh đó, UBND xã thường xuyên rà soát, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu vận hành các nền tảng số; đồng thời tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ, công chức nâng cao kỹ năng sử dụng các hệ thống điều hành điện tử và bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng.

- UBND xã Vĩnh Thủy đã tập trung chỉ đạo các bộ phận chuyên môn chủ động rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”, tạo nền tảng quan trọng cho xây dựng và vận hành chính quyền số.

f) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- UBND xã Vĩnh Thủy đã chú trọng triển khai các ứng dụng, dịch vụ số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh CCHC và thực hiện chuyển đổi số tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng số phục vụ đời sống và giao dịch hành chính. Thông qua các hình thức tuyên truyền trực tiếp, trên hệ thống truyền thanh và các nền tảng số, người dân ngày càng nâng cao nhận thức và từng bước làm quen với việc sử dụng dịch vụ số.

- Tăng cường sử dụng các nền tảng số, mạng xã hội để cung cấp thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân, góp phần nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền với người dân.

g) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại cơ quan, đơn vị

UBND xã Vĩnh Thủy đã tích cực triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hiện chuyển đổi số tại địa phương.

- Tổng số hồ sơ: 3.227; Trong đó: Tiếp nhận mới 3.185 hồ sơ, kỳ trước

- + Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản năm 2026 đạt 25%

- + Tỷ lệ cán bộ, công chức xử lý văn bản, hồ sơ công việc qua môi trường điện tử đạt 100%

- + Tỷ lệ văn bản điện tử đạt 100%

- + Tỷ lệ chi trả an sinh xã hội qua tài khoản đối với NCC đạt 100%

- + Tỷ lệ chi trả an sinh xã hội qua tài khoản đối với đối tượng BTXH đạt 79.7%

- + Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ từ 1Gb/s trở lên đạt 80%
- + Tỷ lệ doanh nghiệp, HTX đăng ký định danh điện tử đạt 100%
- + Tỷ lệ hồ sơ đăng ký kinh doanh trực tuyến đạt 95%
- + Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2 đạt 91.04%
- + Tỷ lệ công dân tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID đạt 78,29%
- + Tỷ lệ tích hợp tài khoản ngân hàng hưởng an sinh xã hội trên ứng dụng VneID đạt 23.94%
- + Tỷ lệ người dân cài đặt ứng dụng Quảng Trị-S đạt 34.7%
- + Làm sạch dữ liệu dân cư Nhóm 1 đạt 99.1%

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

UBND xã Vĩnh Thủy đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 đã đề ra, cụ thể như:

- Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC, trọng tâm là thực hiện cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; các thủ tục hành chính được niêm yết công khai theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức trong giải quyết công việc; kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng cao. Cơ chế một cửa hoạt động có hiệu quả cao, giảm thời gian chờ đợi trong quá trình giao dịch giữa tổ chức, cá nhân với cơ quan Nhà nước.

- Ứng dụng tốt Công nghệ thông tin và phần mềm quản lý giúp tạo nền tảng tốt cho cải cách hành chính, minh bạch hóa và hiện đại hóa nền hành chính; cơ chế phối hợp tốt giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện tốt giúp tăng tính liên thông, đồng bộ trong giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- Tỷ lệ hồ sơ, Thủ tục hành chính được tiếp nhận, trả kết quả theo hình thức trực tuyến ngày càng được tăng lên. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn tại địa phương chiếm tỷ lệ 99,75%.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan, đơn vị đã từng bước cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, góp phần phục vụ các tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn.

2. Tồn tại, hạn chế

- Trong một số thời điểm, do lượng truy cập lớn, phần mềm Một cửa và Dịch vụ công quốc gia xảy ra hiện tượng chậm hoặc phải đăng nhập lại nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ và trải nghiệm của người dân.

- Tỷ lệ người dân truy cập Trang Thông tin điện tử xã để tra cứu thông tin chưa đều giữa các nhóm độ tuổi; người lớn tuổi tại nông thôn vẫn ưu tiên nghe đài truyền thanh hoặc liên hệ trực tiếp hơn tra cứu trực tuyến.

ưa có điều kiện đầu tư chuyên sâu cho công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Tăng cường công tác phổ biến, quán triệt, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các nội dung trong thực hiện CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC và thực hiện

dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết TTHC.

2. Cải cách thể chế

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với nhiều hình thức nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân. Thực hiện đúng các quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và tính khả thi của văn bản, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.

- Rà soát, kiểm tra và hệ thống hoá các văn bản, kịp thời chỉnh sửa hoặc loại bỏ những văn bản trái pháp luật, không còn phù hợp, văn bản không có hiệu lực hoặc văn bản chồng chéo trùng lặp.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục thực hiện các nội dung tại Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC và các nội dung liên quan đến công tác cải cách TTHC. Rà soát niêm yết, công khai kịp thời các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các TTHC, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng TTHC.

- Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế “một cửa, một cửa liên thông” hiệu quả, đúng quy định.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn và hiệu quả, trọng tâm là sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng dẫn của cấp trên.

- Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai các nội dung CCHC gắn với việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện công tác CCHC; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

6. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện điều hành thu chi ngân sách nhà nước theo quy định Luật ngân sách và pháp luật liên quan. Phân đầu hoàn thành nhiệm vụ thu chi theo dự toán được giao; tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách trên địa bàn, rà soát tất cả các nguồn thu kịp thời đưa vào quản lý thu thuế, đồng thời quản lý tốt các nguồn thu phát sinh, phân đầu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Quản lý hiệu quả tài sản công. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là trong lĩnh vực đầu tư công và quản lý tài sản công.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Tiếp tục quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, về chuyển đổi số và Đề án 06.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai nhiệm

vụ chuyển đổi số, gắn kết quả thực hiện với đánh giá, xếp loại cán bộ.

- Từng bước hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của xã, bảo đảm đường truyền, thiết bị phục vụ vận hành chính quyền số.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện tiếp nhận, xử lý trên phần mềm dịch vụ công, không để tồn đọng quá hạn. Phấn đấu 100% văn bản đi, đến được xử lý trên phần mềm quản lý văn bản, sử dụng chữ ký số.

- Phát huy hiệu quả mô hình “Tổ công nghệ cộng đồng” tại các thôn để hỗ trợ người dân và Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết TTHC xã Vĩnh Thủy.

- Khuyến khích người dân sử dụng thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, ứng dụng ngân hàng số. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, quản lý dịch vụ thương mại.

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý III năm 2026, UBND xã Vĩnh Thủy báo cáo để Sở Nội vụ được biết và tổng hợp đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy;
- CT và các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Nam Sơn

PHỤ LỤC
Các chỉ tiêu thực hiện Cải cách hành chính quý III, năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Vĩnh Thủy)

Biểu mẫu 1
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

STT	Chỉ tiêu thống kê (Kỳ báo cáo Quý III)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	6	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	73,17	
2.1.	<i>Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>41</i>	
2.2.	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>30</i>	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>0</i>	
3.3.2.	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>0</i>	
4.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1.	<i>Tổng số nhiệm vụ được giao</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>18</i>	
4.1.1.	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>12</i>	
4.1.2.	<i>Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>0</i>	
4.1.3.	<i>Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	<i>0</i>	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
5.1.	<i>Số lượng phiếu khảo sát</i>	<i>Số lượng</i>		
5.2.	<i>Hình thức khảo sát</i>	<i>Trực tuyến = 0</i> <i>Phát phiếu = 1</i> <i>Kết hợp = 2</i>		
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Kỳ báo cáo Quý III)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	2	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	4	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	25	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	4	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	1	
¹ Văn bản quy phạm pháp luật.				

Biểu mẫu 3
CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê (Kỳ báo cáo Quý III)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	397	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	397	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	397	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,75%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1.215	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1.212	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê (Kỳ báo cáo Quý III)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	9	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	9	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	39	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	36	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	255	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	255	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Kỳ báo cáo Quý III)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		0	
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	4	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	41,03	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	7.869	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	3.228,731	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>		1	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	5	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Kỳ báo cáo Quý III)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%		
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	313	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	313	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	11,33	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	397	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	45	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	98,9	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	450	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	445	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	97,46	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	830	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	809	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	19,41	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	20	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	103	